

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 07/7/2023.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Phú
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Ngọc Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST-DS ngày 22/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS ngày 23/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-DS ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 46 NVS, Phường x, thành phố Đà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: A31-C5 NTT, Phường y, thành phố Đà Lạt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Vũ Đức Th, sinh năm: 1969;

Bà Đinh Thị V, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 07, hẻm 57 đường NVS, Phường x, thành phố Đà Lạt.

(Anh H, bà V có mặt, bà Vân A và ông Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân A và lời khai của bà A cũng như lời khai của anh Nguyễn Tuấn H là người đại diện theo ủy quyền cho bà A

trình bày: Do quen biết nên gia đình ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V mượn tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Vân A, mục đích vay lo cho con ăn học và đầu tư vườn. Cụ thể:

Ngày 30/3/2019, bà A cho ông Th, bà V vay số tiền 490.000.000đ có viết giấy và thoả thuận lãi suất ngân hàng, không thoả thuận thời hạn trả.

Ngày 13/11/2019, bà A cho ông Th, bà V mượn thêm 80.000.000đ cùng ngày bà V ký xác nhận tổng số tiền mượn là 570.000.000đ. Tại giấy mượn tiền và chốt số tiền nợ ngày 13/11/2019 hai bên thoả thuận lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng, thời hạn trả hàng tháng vợ chồng bà V, ông Th trả cho bà A số tiền 10.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay thì vợ chồng ông Th, bà V có thể chấp cho bà A tài sản là quyền sử dụng đất tại số 05C NVS, Phường x, thành phố Đà Lạt (đất chưa được cấp giấy chứng nhận, đã nộp thuế từ năm 2012 cho đến nay).

Tuy nhiên sau khi vay tiền cho đến nay thì vợ chồng ông Th, bà V không trả lãi cũng như số tiền nợ gốc cho bà A mặc dù bà A đã đến nhà đòi nhiều lần.

Nay bà A khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V trả số tiền gốc là 570.000.000đ và tiền lãi $490.000.000đ \times 08\text{tháng} \times 1\% = 39.200.000đ$;

Tiền lãi tạm tính từ ngày 13/11/2019 đến ngày 23/5/2023 là $570.000.000đ \times 42\text{ tháng} \times 1\% = 205.200.000đ$.

Tổng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/5/2023 là 848.600.000đ.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Do bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Tuấn H là người đại diện theo ủy quyền cho bà A chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 570.000.000đ và tiền lãi chỉ tính $0,83\%/tháng$ từ ngày 13/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2023 làm tròn 43 tháng là $570.000.000đ \times 43\text{ tháng} \times 0,83\% = 203.433.000đ$ và cũng đồng ý giảm tiền lãi thêm cho bị đơn 100.000.000đ nên tổng số tiền bị đơn ông Th, bà Vân phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A là 673.433.000đ.

Bị đơn bà Đinh Thị V trình bày: Toàn bộ giấy vay mượn đều do bà viết, ông Th cũng ký vào giấy vay, bà cũng xác định số nợ gốc 570.000.000đ là đúng. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà trả số nợ gốc 570.000.000đ, cũng đồng ý giảm tiền lãi thêm cho ông bà 100.000.000đ còn lại 103.433.000đ, tổng cộng là 673.433.000đ thì bà cũng đồng ý trả số tiền nợ gốc 570.000.000đ và nợ lãi 103.433.000đ như yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên toà hôm nay, anh H đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Th, bà V trả cho bà Vân A số nợ gốc 570.000.000đ, cũng đồng ý giảm tiền lãi thêm cho bị đơn 100.000.000đ còn lại 103.433.000đ, tổng cộng là 673.433.000đ và phía bị đơn bà Đinh Thị V cũng đồng ý nên cần ghi nhận sự thoả thuận này của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xuất phát từ việc bà Vân A cho vợ chồng ông Th, bà V vay tiền ngày 30/3/2019 và ngày 13/11/2019 tổng số tiền 570.000.000đ (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*), lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng, thỏa thuận hàng tháng trả cho bà Vân A 10.000.000đ/tháng. Nhưng đến nay vợ chồng ông Th, bà V cũng không thực hiện đúng cam kết nên bà Nguyễn Thị Vân A khởi kiện. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn ông Vũ Đức Th đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như đã được tổng đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-DS ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt nhưng ông Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A thì thấy rằng:

Theo bản chính giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 do nguyên đơn cung cấp (*bút lục số 33-34*) thể hiện nội dung: vợ chồng ông Th, bà V có vay của bà Vân A số tiền 490.000.000đ để làm vườn và nuôi con, tính lãi suất ngân hàng và không ghi thời hạn trả nợ. Phía dưới người mượn tiền có chữ ký và chữ viết tên Vũ Đức Th, Đinh Thị V. Mặt sau của giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 có nội dung:

“Hôm nay ngày 13/11/2019.

Vợ chồng tôi có mượn của cô Vân A tổng cộng “570.240.000đ”, số cũ là 490 triệu đồng, số mới là 80.000.000đ. Tổng cộng là 570.000.000đ, cô Vân A cho mượn tính theo lãi suất ngân hàng. Vợ chồng tôi cam kết sẽ trả mỗi tháng 10.000.000đ, nếu không giữ lời hứa trong 03 tháng liên tiếp không trả tiền thì cô Vân A có quyền sử dụng ngôi nhà vợ chồng tôi đang ở hoặc vợ chồng tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật”. Phía dưới người viết giấy có chữ ký và chữ viết tên Đinh Thị V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Th, bà V mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của ông Th, bà V trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Th vắng mặt, bà Đinh Thị V có mặt và bà V cũng thừa nhận số nợ gốc 570.000.000đ là đúng và chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 cả mặt trước và mặt sau viết ngày 13/11/2019 đều do bà ký và viết ra, phía dưới góc trái giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 có chữ ký và tên Vũ Đức Th là đều do ông Th chồng của bà ký và viết ra.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau được hướng giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền số nợ gốc 570.000.000đ, nợ lãi 103.433.000đ tổng cộng là 673.433.000đ và nguyên đơn đồng ý, đồng thời bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên. Tại phiên tòa hôm nay do bị đơn ông Vũ Đức Th vắng mặt nên không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà chỉ ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Th, bà V phải chịu tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: Bị đơn vợ chồng ông Th, bà V phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 673.433.000đ là $(20.000.000đ + (4\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt } 400.000.000đ)) = 30.937.320đ$.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Vân A số tiền 18.216.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp thay

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002457 ngày 18/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A số tiền 673.433.000đ trong đó nợ gốc là 570.000.000đ, nợ lãi 103.433.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức Th, bà Đinh Thị V phải chịu án phí sơ thẩm 30.937.320đ.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A số tiền 18.216.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002457 ngày 18/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Vũ Đức Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Liên

